

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ- ST

Ngày : 13/8/2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

****Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 110/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương A, sinh năm 2000;

Địa chỉ: KDC T, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: KDC D1, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Chị Anh đề nghị vắng mặt; anh Hưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Phương A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương) vào ngày 19 tháng 4 năm 2019. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung. Do mâu thuẫn căng thẳng không thể hòa hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau, chị A và con gái về ở cùng nhà mẹ đẻ tại phường D, thị xã K, còn anh H sống tại phường L, thị xã K. Nay chị A tự thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh H để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị A có 01 con chung là Đoàn Diễm M, sinh ngày 18/01/2020. Theo chị A, trước đây và hiện tại anh H là người bố không có trách nhiệm trong việc chăm nuôi con, từ khi cháu M sinh ra đến nay chị A là người trực tiếp nuôi dạy chăm sóc cháu M phát triển ổn định. Trong những tháng vừa qua, khi hai bên sống ly thân anh H cũng không gửi tiền cho chị A nuôi dưỡng con chung, không thăm nom cháu M. Chị A làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn VIETORY, địa chỉ: phường H1, thị xã K với thu nhập khoảng từ 7- 8 triệu đồng/tháng. Chị A được mẹ đẻ tạo điều kiện cho mẹ con chị có chỗ ở ổn định sau ly hôn, mẹ đẻ chị A cam kết sẽ phụ giúp chị A trong việc chăm nuôi con chung. Do vậy, chị A đề nghị Tòa án giao cho chị A được quyền nuôi dưỡng chăm sóc cháu M khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A tự nguyện không yêu cầu anh H hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Chị A không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh H các tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua việc xác nhận của đại diện gia đình anh H, thì anh H đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.*

** Tại biên bản xác minh các ngày 10 tháng 6 năm 2021 và ngày 18 tháng 5 năm 2021, đại diện khu dân cư D1 và đại diện Ủy ban nhân dân phường L cung cấp: Chị*

A và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là Ủy ban nhân dân phường L) vào ngày 19 tháng 4 năm 2019. Qua nắm bắt tình hình thực tế được biết do vợ chồng anh H không hòa thuận, hạnh phúc nên chị A và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2020, chị A và con gái về cư trú tại phường D, anh H cư trú tại phường L.

** Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 6 năm 2021, đại diện khu dân cư T và đại diện Ủy ban nhân dân phường D cung cấp:* Chị A và anh H nhiều tháng qua sống ly thân, khi còn sống cùng nhau cuộc sống chung không hòa thuận hạnh phúc là đúng thực tế. Chị A và con gái từ cuối năm 2020 đến nay về ở nhờ nhà mẹ đẻ tại phường D, còn anh H cư trú tại phường L.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 5 năm 2021, ông Đoàn Văn O, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952, đều ở địa chỉ: Khu dân cư D1, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Là ông, bà nội của anh H) trình bày nội dung:* Thực tế thời gian vừa qua vợ chồng anh H, chị A sống không hạnh phúc, hai bên sống ly thân từ cuối năm 2020, chị A và con gái cư trú tại phường D, anh H cư trú tại phường L. Trong khoảng thời gian khi hai bên còn chung sống cùng nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do bố mẹ đẻ của anh H đều đã vào miền Nam làm ăn cư trú từ nhiều năm trước đây, anh H hiện đang ở cùng khuôn viên đất ở với ông Oanh, bà Thoa nên khi anh H đi làm không có mặt ở nhà ông Oanh, bà Thoa đã nhận thay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh H. Thực tế anh H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh H bận đi làm ăn nên không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị A được.

** Tại bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2021 của bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu dân cư T, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Là mẹ đẻ của chị A), trình bày:* Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị A chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn. Từ cuối năm 2020, do vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân, chị A và con gái về ở cùng với gia đình bà tại khu dân cư T, phường D, còn anh H cư trú tại phường L. Trong trường hợp vợ chồng chị A ly hôn, bà M1 cam kết hỗ trợ cho mẹ con chị A có chỗ ở ổn định và phụ giúp chị A trong việc chăm nuôi cháu M.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Lê Thị Phương A được ly hôn anh Đoàn Văn H. *Về con chung:* Giao cho chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đoàn Diễm M, sinh ngày 18/01/2020 đến khi cháu M trưởng thành,

đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị A tự nguyện không yêu cầu anh H hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (Bên vợ, bên chồng):* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. *Về án phí:* Chị A phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A có đơn đề nghị vắng mặt, anh H được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị A và anh H được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương) vào ngày 19 tháng 4 năm 2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh H đang cư trú tại phường L, thị xã K nên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị A là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của chị A thì thấy: Qua lời khai của đương sự tại Tòa án, việc cung cấp thông tin của đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình đương sự và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị A, anh H không được hòa thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế chung và cách nuôi dạy chăm sóc con chung. Vợ chồng khi còn chung sống đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xô xát không tự giải quyết được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân về tình cảm, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Bản thân anh H đã nhận được thông báo phiên hòa giải nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh H cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng anh H, chị A đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A, anh H có 01 con chung là Đoàn Diễm M, sinh ngày 18/01/2020. Qua lời trình bày của chị A và các bà M1, T1, ông O cùng các tài liệu

được thu thập trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định thực tế nhiều tháng vừa qua cháu M đang ở cùng chị A, được mẹ chăm lo nuôi dưỡng phát triển bình thường như các bạn cùng tuổi. Cháu M đang học tập ổn định tại trường mầm non phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi, là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ theo quy định của pháp luật. Chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị A chứng minh có việc làm ổn định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn VIETTORY với thu nhập hàng tháng là 8.230.016 đồng, được mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cho hai mẹ con chị A sau khi ly hôn và phụ giúp chị A trong việc chăm nuôi cháu M. Do vậy, cần xử cho chị A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và chấp nhận việc chị A tự nguyện không yêu cầu anh H hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A đến khi con chung trưởng thành là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị A không có tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh H không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết nội dung này. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí : Theo quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị A phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Phương A được ly hôn anh Đoàn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Phương A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đoàn Diễm M, sinh ngày 18/01/2020. Thời

gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Lê Thị Phương A tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn Văn H hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006022 ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

5. Về quyền kháng cáo: Tòa án báo cho chị A, anh H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày **nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.**

Nơi nhận

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án ds thị xã Kinh Môn;
- UBND phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết